

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
HUYỆN CÔN ĐẢO Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 24-9-2024

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH**

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÔN ĐẢO, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Mỹ Dung

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Đoàn Thị Diệu Hiền

Bà Trần Thị Hoài Thu

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Lưu Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 20/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2024 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **04/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:**

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Tuấn H, sinh năm: 1983 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú tại: Khu dân cư S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Nơi cư trú: Thôn C, xã S, huyện T, thành phố Hải Phòng.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Ngọc Như X, sinh năm: 1985 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khu dân cư S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Tại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 8 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Tuấn H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Tuấn H và bà Nguyễn Ngọc Như X tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2010, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo giấy chứng nhận kết hôn số 11/KH/2010, quyển số 01.HT.2010 ngày 29/4/2010. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng trong vấn đề tài chính; không hợp nhau về tính tình và quan điểm sống, do vậy vợ chồng thường xuyên gây gỗ, cãi vã với nhau, gia đình không còn hạnh phúc. Vợ chồng cũng đã tìm cách hàn gắn tình cảm của vợ chồng nhưng không thành, do vậy **vợ chồng sống ly thân từ tháng 10 năm 2020 đến nay**. Từ khi ly thân đến nay mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Nay, ông H nhận thấy tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy ông H xin được ly hôn với bà X.

- Về con chung: Ông H và bà X có 02 con chung là Nguyễn Minh H1, sinh ngày 09/04/2011 và Nguyễn Ngọc Hạnh N, sinh ngày 07/02/2016, hiện các con đang ở với bà X. Nay, vợ chồng ly hôn, ông H đồng ý giao con cho bà X trực tiếp nuôi dưỡng, ông H không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông H xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

**Đối với số tiền 5.596.011.676 đồng (trong đó tài sản riêng của bà X là 3.358.681.599 đồng và số tiền được chia trong khối tài sản chung của hộ là 2.237.330.077 đồng)** mà **bà X đang tranh chấp với cha mẹ là ông Bùi Thanh C và bà Trần Thị Đ tại Tòa án nhân dân huyện Côn Đảo** theo Thông báo thụ lý vụ án số 10/DSST ngày 18/12/2023 về việc: “Tranh chấp về tài sản chung của hộ gia đình”. Ông H xác định toàn bộ số tiền đang tranh chấp nêu trên là tài sản riêng của

bà X, không phải là tài sản chung của vợ chồng, vì vậy không tranh chấp và không yêu cầu giải quyết.

2. *Tại bản khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Ngọc Như X trình bày:*

Bà X thống nhất như lời trình bày của ông H về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung và về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của vợ chồng. Bà X xác định trong thời gian ly thân vợ chồng mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai và hai người cũng không gặp nhau để bàn chuyện hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay, qua yêu cầu của ông H, bà X đồng ý ly hôn.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Thống nhất như ý kiến và yêu cầu của ông H.

**Đối với số tiền 5.596.011.676 đồng (trong đó tài sản riêng của bà X là 3.358.681.599 đồng và số tiền được chia trong khối tài sản chung của hộ là 2.237.330.077 đồng) đang tranh chấp, hiện Tòa án nhân dân huyện Côn Đảo đang thụ lý giải quyết** theo Thông báo thụ lý vụ án số 10/DSST ngày 18/12/2023 về việc: “Tranh chấp về tài sản chung của hộ gia đình”. Ông H không tranh chấp vì vậy bà X không có ý kiến gì thêm.

3. *Tại biên bản lấy lời khai, các cháu Nguyễn Minh H1 và Nguyễn Ngọc H2 N trình bày:* Hiện cháu H1 và cháu N đang sống cùng với bà X, nay cha mẹ ly hôn, hai cháu có nguyện vọng được ở với bà X.

4. *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu:*

- Về thủ tục tố tụng: **Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự.**

- Về nội dung: Xét lời trình bày và ý kiến của các đương sự cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận. Vì vậy, đề nghị **Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.** Các đương sự không tranh chấp **đối với số tiền 5.596.011.676 đồng**, vì vậy không xét đến.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

- Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn cư trú trên địa bàn huyện C nên Tòa án nhân dân huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ông H và bà X vắng mặt tại phiên **tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy** Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về hôn nhân:* Ông Nguyễn Tuấn H và bà Nguyễn Ngọc Như X kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo giấy chứng nhận kết hôn số 11/KH/2010, quyển số 01.HT.2010 ngày 29/4/2010 nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Nay, ông H xin ly hôn với lý do quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn và hai người cũng đã nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Quá trình giải quyết vụ án, bà X cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn và cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông H. Do vậy, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông H và chị X.

[2.2] *Về nuôi con chung:* Ông H và bà X có 02 con chung là Nguyễn Minh H1, sinh ngày 09/04/2011 và Nguyễn Ngọc Hạnh N, sinh ngày 07/02/2016. Qua yêu cầu của ông H và bà X, Hội đồng xét xử nhận thấy từ khi ly thân đến nay bà X là người trực tiếp nuôi dưỡng con và nguyện vọng của cháu H1 và cháu N cũng muốn ở với bà X. Do vậy, căn cứ các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung cho bà X trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Tạm thời, bà X không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên không xét đến.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông H và bà X xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.4] **Đối với số tiền 5.596.011.676 đồng** hiên bà X đang tranh chấp và Tòa án nhân dân huyện Côn Đảo đang thụ lý giải quyết theo Thông báo thụ lý vụ án số 10/DSST ngày 18/12/2023 về việc: “Tranh chấp về tài sản chung của hộ gia đình”. Ông H xác định là tài sản riêng của bà X, không phải tài sản chung của vợ chồng, do vậy không tranh chấp và không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

[3] *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Q, ông H phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, bà X không phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ông Nguyễn Tuấn H và bà Nguyễn Ngọc Như X thuận tình ly hôn.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là Nguyễn Minh H1, sinh ngày 09/04/2011 và Nguyễn Ngọc Hạnh N, sinh ngày 07/02/2016 cho bà X trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời, bà X không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, bà X và ông H đều có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi của con chung, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con hoặc yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà X và ông H xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí:

- Ông Nguyễn Tuấn H phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012139 ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Côn Đảo. Ông H đã nộp đủ tiền án phí.

- Bà Nguyễn Ngọc Như X không phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*Nơi*

*nhận:*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh BR-VT;

- VKSND tỉnh BR-VT;
  - VKSND huyện Côn Đảo;
  - Chi Cục THADS huyện Côn Đảo;
  - UBND huyện Côn Đảo;
- (GCNKH số 11/KH/2010, quyền số 01.HT.2010 ngày 29/4/2010)
- Người tham gia tố tụng;
  - Lưu.

**Trần Thị Mỹ Dung**